

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 154/2007/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày

28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi (sau đây gọi là Nghị định số 143/2003/NĐ-CP) như sau:

1. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 19 như sau:

“a) Thủy lợi phí được thu bằng đồng Việt Nam.

- Miễn thủy lợi phí đối với:

+ Hộ gia đình, cá nhân có đất, mặt nước dùng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối trong hạn mức giao đất nông nghiệp, bao gồm: đất do nhà nước giao, được thừa kế, cho, tặng, nhận chuyển nhượng hợp pháp, kể cả phần diện tích đất 5% công

ích do địa phương quản lý mà các hộ gia đình, cá nhân được giao hoặc đấu thầu quyền sử dụng;

+ Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của Luật đầu tư được miễn thủy lợi phí đối với toàn bộ diện tích đất, mặt nước dùng vào nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; không phân biệt trong hay ngoài hạn mức giao đất.

- Mức miễn thu thủy lợi phí được xác định theo khung mức thủy lợi phí quy định tại điểm b, c và các mục 3, 4 và 5 của điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 143/2003/NĐ-CP.

- Không miễn thủy lợi phí đối với:

+ Diện tích đất vượt hạn mức giao cho hộ gia đình, cá nhân;

+ Các doanh nghiệp hoạt động cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp, tiêu nước cho sản xuất công nghiệp, nước cấp cho các nhà máy nước sạch, thủy điện, kinh doanh du lịch, vận tải qua cống, âu thuyền và các hoạt động khác được hưởng lợi từ công trình thủy lợi;

+ Các tổ chức, cá nhân nộp thủy lợi phí cho tổ chức hợp tác dùng nước theo thỏa thuận để phục vụ cho hoạt động của các tổ hợp tác dùng nước từ vị trí cống đầu kênh của hợp tác dùng nước đến mặt ruộng.

- Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác nhận miễn và không miễn thủy lợi phí quy định tại điểm này.”

2. Bổ sung thêm Điều 19a vào Nghị định số 143/2003/NĐ-CP như sau:

“Điều 19a. Chính sách đối với các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi:

1. Các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi gồm: Công ty khai thác công trình thủy lợi nhà nước, công ty cổ phần, Ủy ban nhân dân xã, hợp tác xã, tổ hợp tác dùng nước quản lý vận hành hệ thống công trình thủy lợi được ngân sách nhà nước cấp bù số tiền do miễn thu thủy lợi phí quy định tại Nghị định này.

2. Ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí để cấp bù cho các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi tương ứng với số thủy lợi phí được miễn. Riêng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có điều tiết nguồn thu về ngân sách trung ương thì tự đảm bảo kinh phí để cấp bù cho các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi của địa phương tương ứng với số thủy lợi phí được miễn.

Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và các khoản hỗ trợ theo chế độ hiện hành đối với các công trình thủy lợi của các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

3. Công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhà nước thực hiện sắp xếp lại, thay đổi phương thức quản lý khi thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí, nếu phát sinh lao động dôi dư thì người lao động dôi dư được hưởng chính sách như quy định áp dụng đối với lao động dôi dư của các công ty nhà nước khi chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản. Kinh phí để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư được lấy từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

4. Công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhà nước được ngân sách hỗ trợ kinh phí để xử lý xóa nợ đọng thủy lợi phí và lỗ do nguyên nhân khách quan đến trước thời điểm thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí theo quy định tại Nghị định này.

Ngân sách trung ương hỗ trợ cho các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi do trung ương quản lý; ngân sách địa phương hỗ trợ cho các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

5. Công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhà nước, công ty cổ phần, Ủy ban nhân dân xã, hợp tác xã, tổ hợp tác dùng nước có trách nhiệm:

a) Phục vụ đầy đủ, kịp thời đúng tiến độ về dịch vụ tưới nước và tiêu nước cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng

thủy sản và làm muối, đồng thời thực hiện triệt để chính sách tiết kiệm nước;

b) Hàng năm, các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi lập dự toán, xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt như sau:

- Đối với các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi do trung ương quản lý báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính.

- Đối với các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi do địa phương quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 27 như sau:

“4. Xây dựng trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp quản lý các công trình thủy lợi, các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức về quản lý bảo vệ, sử dụng nước, duy tu sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi và chính sách thưởng tiết kiệm nước.

Tổ chức, sắp xếp lại các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi trực thuộc để sử dụng hiệu quả các công trình thủy lợi theo chính sách thu thủy lợi phí mới.

Giám sát việc quản lý, vận hành hệ thống các công trình thủy lợi.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 28 như sau:

“6. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan:

a) Hướng dẫn chế độ giao kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính đối với các công ty này.

b) Ban hành văn bản hướng dẫn lập dự toán, cấp phát, quản lý thanh quyết toán kinh phí khi thực hiện miễn thu thủy lợi phí.

c) Tổng hợp dự toán chi do thực hiện miễn thu thủy lợi phí của các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi trung ương và các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

d) Thực hiện kiểm tra, giám sát việc miễn thu thủy lợi phí và việc sử dụng ngân sách cấp cho các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi và hợp tác xã.”

5. Bổ sung các khoản 10, 11, 12, 13, 14 vào Điều 29 như sau:

“10. Thực hiện phân cấp quản lý cụ thể các công trình thủy lợi theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11. Giám sát việc xây dựng ban hành các định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật cho các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi và tổ hợp tác dùng nước. Quy định phương thức hỗ trợ cho các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi, tổ hợp tác dùng nước, bao gồm các nội dung về giao kế hoạch cung cấp dịch vụ tưới, tiêu nước, lập dự toán cấp phát, quản lý thanh quyết toán kinh phí.

12. Hàng năm, trên cơ sở xây dựng dự toán hỗ trợ (bao gồm hỗ trợ để thực hiện chế độ miễn thủy lợi phí; hỗ trợ chi duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi) cho các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định (đối với địa phương có điều tiết nguồn thu về ngân sách trung ương); tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về mức kinh phí hỗ trợ (đối với địa phương phải nhận trợ cấp từ ngân sách trung ương).

13. Giám sát việc thực hiện thu, chi, thanh quyết toán các khoản hỗ trợ của ngân sách nhà nước.

14. Tổ chức sắp xếp lại các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc địa phương quản lý theo phương thức thu thủy lợi phí mới.”

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

Điều 3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng

cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng